

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ TƯ PHÁP**

Số: **390** /QĐ-STP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27/3/1982 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các Sở, ban – ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ, giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho Văn phòng Sở Tư pháp và Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (điều chỉnh lần 01) theo các Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 (điều chỉnh) được giao, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và các Cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

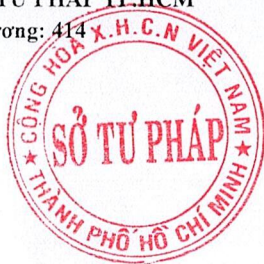
- Điều 3;
- Sở Tài chính (P.HCSN);
- KBNN TP.HCM;
- KBNN Quận 10;
- Lưu: VT, VP(KT/HH).



**GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Văn Hạnh**





## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Điều chỉnh lần 1)

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước

Mã số ĐVQHVN: 1073100

KBNN nơi giao dịch: KBNN Quận 10 (Mã KB: 0117)

Chương 414, Khoản 338

(Kèm theo Quyết định số 390 /QĐ-STP ngày 07 /7/2023 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Tổng dự toán
				Dự toán năm trước chuyển sang (CL)	Dự toán được cấp bổ sung	
A	B	C	1	2	3	4=1+2+3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Số thu		0			0
2	Chi từ nguồn thu được để lại		0			0
3	Số nộp NSNN		0			0
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>		<b>7.446.000.000</b>	<b>177.419.700</b>	<b>36.000.000</b>	<b>7.659.419.700</b>
	<b>Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác</b>		<b>7.446.000.000</b>	<b>177.419.700</b>	<b>36.000.000</b>	<b>7.659.419.700</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>		<b>0</b>	<b>177.419.700</b>	<b>0</b>	<b>177.419.700</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố		0			0
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023		0			0
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng		0			0
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		0			0
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	14.01	0	177.419.700		177.419.700
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>		<b>7.446.000.000</b>	<b>0</b>	<b>36.000.000</b>	<b>7.482.000.000</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố		5.593.000.000	0	36.000.000	5.629.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023		158.801.000			158.801.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		1.853.000.000			1.853.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang		0			0



STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Tổng dự toán
				Dự toán năm trước chuyển sang (CL)	Dự toán được cấp bổ sung	
A	B	C	1	2	3	4=1+2+3
	<b>Ghi chú: Các nhiệm vụ chi không thường xuyên NS cấp năm 2023</b>		<b>7.446.000.000</b>	<b>0</b>	<b>36.000.000</b>	<b>7.482.000.000</b>
<b>a</b>	<b>Các nhiệm vụ chi không thường xuyên</b>		<b>3.863.000.000</b>	<b>0</b>	<b>36.000.000</b>	<b>3.899.000.000</b>
1	Phụ cấp trách nhiệm trợ giúp viên pháp lý (25%)		200.000.000			200.000.000
2	Kinh phí bồi dưỡng thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL		95.000.000			95.000.000
3	Kinh phí khen thưởng cho cộng tác viên TGPL		50.000.000			50.000.000
4	Kinh phí nghiệp vụ đặc thù TGPL		1.151.000.000			1.151.000.000
5	Trợ cấp thôi việc		50.000.000			50.000.000
6	Kinh phí trang phục cho trợ giúp viên pháp lý (10 người)		21.000.000			21.000.000
7	Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ TGPL		331.000.000			331.000.000
8	Kinh phí mua sắm tài sản (đã trừ 10% CCTL: 11,2trđ)		100.800.000			100.800.000
9	Kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, Văn bản thay thế liên quan		1.853.000.000			1.853.000.000
10	10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023		11.200.000			11.200.000
11	Kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023				36.000.000	36.000.000
<b>b</b>	<b>Nhiệm vụ chi không thường xuyên: do đơn vị chưa được UBND Thành phố giao quyền tự chủ tài chính trong năm 2023</b>		<b>3.583.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.583.000.000</b>
1	Kinh phí hoạt động (đã trừ 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023)		3.435.399.000			3.435.399.000
2	10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023		147.601.000			147.601.000

**Ghi chú:**

- **Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền là 0 đồng và từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (KP tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023- nếu có: Đơn vị chỉ được sử dụng để chi chênh lệch tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-NĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố, không được chi cho nội dung khác. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng.

- **Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền **1.853.000.000 đồng** và kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (nguồn không tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023 - nếu có, chỉ được sử dụng cho nhu cầu chi tinh giản biên chế, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định.

- Dự toán điều chỉnh lần 1:

+ Mẫu 20f: Dự toán các nhiệm vụ chi năm 2022 được chuyển nguồn sang 2023;

+ Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023 (theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố): 36.000.000 đồng.





**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Điều chỉnh lần 1)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG CƠ QUAN SỞ TƯ PHÁP**

Mã số: 1075715

Mã KBNN nơi giao dịch: 0111

Chương 414, Khoản 341

(Kèm theo Quyết định số 390 /QĐ-STP ngày 07 /7/2023 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

DVT: đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung	
A	B	C	1	2	3	4=1+2+3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>		<b>21.571.000.000</b>			<b>21.571.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		<b>21.571.000.000</b>			<b>21.571.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>		<b>571.000.000</b>			<b>571.000.000</b>
	LP hộ tịch - Bản sao		349.000.000			349.000.000
	LP quốc tịch		52.000.000			52.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (VN)		120.000.000			120.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (NN)		50.000.000			50.000.000
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>		<b>21.000.000.000</b>			<b>21.000.000.000</b>
	- Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp		21.000.000.000			21.000.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>		<b>11.272.000.000</b>			<b>11.272.000.000</b>
	<b>Chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp</b>		<b>11.272.000.000</b>			<b>11.272.000.000</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		11.272.000.000			11.272.000.000
	Kinh phí chi trả cho các cơ quan phối hợp, xác minh hồ sơ LLTP,...		11.272.000.000			11.272.000.000
	Kinh phí chi sự nghiệp		0			0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0			0
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>		<b>10.299.000.000</b>			<b>10.299.000.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>		<b>571.000.000</b>			<b>571.000.000</b>
	LP hộ tịch - Bản sao		349.000.000			349.000.000
	LP quốc tịch		52.000.000			52.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (VN)		120.000.000			120.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (NN)		50.000.000			50.000.000
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>		<b>9.728.000.000</b>			<b>9.728.000.000</b>
	- 15% số thu Phí LLTP nộp NSNN		3.150.000.000			3.150.000.000



STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung	
A	B	C	1	2	3	4=1+2+3
	- Phí LLTP dự kiến còn lại sau khi đã trích chuyển % cho các CQ phối hợp, CQ xác minh, chi trả chi phí yêu cầu xác minh).		6.578.000.000			6.578.000.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>		<b>39.980.000.000</b>	<b>426.797.299</b>	<b>203.400.000</b>	<b>40.610.197.299</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		<b>39.980.000.000</b>	<b>426.797.299</b>	<b>203.400.000</b>	<b>40.610.197.299</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>		<b>15.971.000.000</b>	<b>426.797.299</b>	<b>-</b>	<b>16.397.797.299</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố		15.971.000.000			15.971.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023		525.003.000			525.003.000
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng		70.000.000			70.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		-			-
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang		-	426.797.299		426.797.299
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>		<b>24.009.000.000</b>	<b>-</b>	<b>203.400.000</b>	<b>24.212.400.000</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố		13.310.000.000		203.400.000	13.513.400.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023		96.200.000			96.200.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		10.699.000.000			10.699.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang					-
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>		<b>-</b>			<b>-</b>
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác</b>		<b>-</b>			<b>-</b>
<b>Ghi chú: Chi tiết các nội dung chi không tự chủ năm 2023:</b>			<b>24.009.000.000</b>	<b>0</b>	<b>203.400.000</b>	<b>24.212.400.000</b>
01	- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023	14	96.200.000			96.200.000
02	- Kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND, VB thay thế liên quan	14	10.699.000.000			10.699.000.000
03	- Kinh phí phụ cấp thâm niên nghề thanh tra	12	49.000.000			49.000.000
04	- Kinh phí phụ cấp đặc biệt ngành thanh tra (25%)	12	90.000.000			90.000.000
05	- Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn	12	58.000.000			58.000.000
06	- Kinh phí đồng phục Thanh tra	12	60.000.000			60.000.000
07	- Kinh phí phục vụ hoạt động xử phạt vi phạm hành chính (CP bồi dưỡng CB thực hiện, CP tổ chức đoàn kiểm tra, thanh tra, chi phí mua tin,...)	12	50.000.000			50.000.000
08	- Kinh phí duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng ISO	12	80.000.000			80.000.000
09	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC	12	16.000.000			16.000.000
10	- Kinh phí trợ cấp thôi việc	12	100.000.000			100.000.000



STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung	
A	B	C	I	2	3	4=I+2+3
11	- Kinh phí bồi dưỡng Giám định viên tư pháp	12	3.046.000.000			3.046.000.000
12	- Kinh phí Hội đồng Phổ biến giáo dục Pháp luật	12	1.000.000.000			1.000.000.000
13	- Kinh phí Kiểm tra, rà soát, cập nhật dữ liệu văn bản	12	188.000.000			188.000.000
14	- Kinh phí theo dõi thi hành pháp luật, công tác bồi thường nhà nước, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC	12	212.000.000			212.000.000
15	- Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật (đã trừ 10%CCTL: 26,2trđ)	12	235.800.000			235.800.000
16	- Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Luật Hộ tịch	12	160.000.000			160.000.000
17	- Kinh phí triển khai chương trình hành động Quốc gia về đăng ký và thống kê Hộ tịch tại TP.HCM	12	135.000.000			135.000.000
18	- Kinh phí nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài	12	240.000.000			240.000.000
19	- Kinh phí Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	12	360.000.000			360.000.000
20	- Kinh phí mua sắm tài sản (đã trừ 10%CCTL: 21trđ)	12	189.000.000			189.000.000
21	- Kinh phí sửa chữa trụ sở, cơ sở hạ tầng (đã trừ 10%CCTL: 49trđ)	12	441.000.000			441.000.000
22	- Kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	12	3.108.000.000			3.108.000.000
23	- Kinh phí tham gia các vụ kiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố	12	1.200.000.000			1.200.000.000
24	- Kinh phí số hóa dữ liệu lý lịch tư pháp	12	2.196.000.000			2.196.000.000
25	- Kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023	12	0		203.400.000	203.400.000

**Ghi chú:**

- **Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền là 0 đồng và từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (KP tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023- nếu có; Đơn vị chỉ được sử dụng để chi chênh lệch tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-NĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố, không được chi cho nội dung khác. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng.

- **Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền **10.699.000.000 đồng** và kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (nguồn không tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023 - nếu có, chỉ được sử dụng cho nhu cầu chi tính gián biên chế, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định.

- Dự toán điều chỉnh lần 1:

+ Mẫu 20f: Dự toán các nhiệm vụ chỉ năm 2022 được chuyển nguồn sang 2023;

+ Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023 (theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố): 203.400.000 đồng.